

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 537/2023/KDTM-ST
Ngày: 25/7/2023
V/v “*Tranh chấp Hợp đồng
mua bán hàng hoá*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thanh Nga

2. Ông Đỗ Xuân Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thức - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 258/2021/TLST-KDTM ngày 12 tháng 4 năm 2021 về “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2023/QĐST-DS ngày 20/6/2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2023/QĐXXST-KDTM ngày 28/6/2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần T1.

Trụ sở: 100/3 T, phường T, Quận A, Tp .

Người đại diện hợp pháp của Công ty:

Bà Hồ Thị H, sinh năm 1987

Địa chỉ: 1 T, phường T, Quận A, Tp .

Là người đại diện theo uỷ quyền: Văn bản uỷ quyền số 1005/2003-UQCT ngày 10/5/2023 của Công ty Cổ phần T1. “có mặt”

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV K;

Trụ sở: B H, Phường H, quận P, Tp .

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Duy H1, sinh năm 1986.

Địa chỉ: K (Tổ F), phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

“vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 30/3/2021, các lời khai tiếp sau đó và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – bà Hồ Thị H trình bày:

Trong quá trình hợp tác kinh doanh, ngày 12/04/2018, Công ty Cổ phần T1 đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc số: 1204/HĐMB-2018/NLMN-TTP với Công ty TNHH MTV K. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Cổ phần T1 đã nghiêm túc thực hiện các điều khoản trong Hợp đồng, đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng (thép xây dựng

các loại) đầy đủ, đúng thời hạn và không có khiếu nại về chất lượng hàng hoá, cung cấp đầy đủ chứng từ liên quan đến hàng hoá và xuất hoá đơn tài chính đầy đủ: đơn giá được hai bên thống nhất tại từng thời điểm và có xác nhận của hai bên. Ngày 15/6/2020, hai bên thống nhất ký Biên bản đối chiếu công nợ xác nhận công nợ số 1506/ĐCC/NLMN-TTP/2020 ngày 15/06/2020. Theo đó, Công ty TNHH MTV K còn nợ Công ty Cổ phần T1 số tiền là 2.195.254.400 đồng (Hai tỷ một trăm chín mươi lăm triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm đồng), là số tiền tồn đọng của các hoá đơn sau: 1 phần hóa đơn 0000501 ngày 22/05/2018 số tiền là: 362.396.120 đồng. Hoá đơn 0000873 ngày 31/08/2019 số tiền là: 1.832.858.280 đồng. Sau khi đối chiếu công nợ đến nay, Công ty TNHH MTV K không có phát sinh thanh toán nợ gốc, khoản lãi nào theo Hợp đồng nguyên tắc số: 1204/HĐMB-2018/NLMN-TTP ký ngày 12/04/2018. Tính đến ngày 25/07/2023, Công ty TNHH MTV K còn nợ Công ty Cổ phần T1 tổng số tiền nợ gốc là 2.195.254.400 đồng (Hai tỷ một trăm chín mươi lăm triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm đồng).

Về số tiền lãi được tính như sau: Căn cứ theo hợp đồng nguyên tắc số 1204/HĐMB-2018/NLMN-TTP ngày 12/04/2018 lãi suất chậm trả áp dụng 0.025% ngày cho phần nợ quá hạn, Công ty TNHH MTV K1 cho Công ty Cổ phần T1 trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận hàng và hoá đơn giá trị gia tăng. Hoá đơn số 501 ngày 22/05/2018, thời hạn thanh toán là 45, hạn chót là ngày 05/07/2018. Hoá đơn số 873 ngày 31/08/2018, thời hạn thanh toán là 45 ngày, hạn chót là: 15/10/2018. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần T1 tự nguyện áp dụng mức lãi suất: 0.02%/ ngày (tương đương lãi suất 7.3% năm) và thời gian tính lãi suất được tính từ ngày 31/07/2020 (sau 45 ngày ký đối chiếu công nợ số 1506/ĐCCN/NLMN-TTP/2020 ngày 15/06/2020) đến ngày 25/07/2023, số tiền gốc tính lãi là số dư theo đối chiếu công nợ 1506/ĐCCN/NLMN-TTP/2020 ngày 15/06/2020 theo Hợp đồng số 1204/HĐMB- 2018/NLMN-TTP ký ngày 12/04/2018 là 2.195.254.400 đồng: Tiền lãi = 2.195.254.400 đồng * 1.089 ngày * 0.02% ngày = 478.126.408 đồng (Bốn trăm bảy mươi tám triệu một trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm lẻ tám đồng).

Do đó, Công ty Cổ phần T1 vẫn giữ yêu cầu Toà án giải quyết buộc Công ty TNHH MTV K có trách nhiệm thanh toán ngay cho Công ty Cổ phần T1 toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi chậm trả tạm tính từ ngày 31/07/2020 đến ngày xét xử là ngày 25/7/2023 với Tổng số tiền là 2.673.380.808 đồng (Hai tỷ sáu trăm bảy mươi ba triệu ba trăm tám mươi nghìn tám trăm lẻ tám đồng) theo Hợp đồng nguyên tắc số 1204/HĐMB-2018/NLMN-TTP ngày 12/04/2018 và Biên bản đối chiếu công nợ số 1506/ĐCCN/NLMN-TTP/2020 ngày 15/06/2020 đã ký kết.

Kể từ ngày 26/7/2023 cho đến đi thanh toán dứt nợ cho Công ty Cổ phần T1, Công ty TNHH MTV K còn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất chậm trả là 0.02%/ ngày (tương đương lãi suất 7.3% năm).

* Bị đơn - Công ty TNHH MTV K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên toà mặc dù đã được triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án: Thông báo thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; các Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên toà sơ thẩm; Quyết định hoãn phiên toà. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có bất kỳ lời khai hoặc tài liệu chứng cứ nào của đại diện hợp pháp của Công ty TNHH MTV K.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà và của

người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo triệu tập của Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty TNHH MTV K có trách nhiệm thanh toán ngay cho Công ty Cổ phần T1 toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi chậm trả tạm tính từ ngày 31/07/2020 đến ngày xét xử là ngày 25/7/2023 với Tổng số tiền là 2.673.380.808 đồng (Hai tỷ sáu trăm bảy mươi ba triệu ba trăm tám mươi nghìn tám trăm lẻ tám đồng) theo Hợp đồng nguyên tắc số 1204/HĐMB-2018/NLMN-TTP ngày 12/04/2018 và Biên bản đối chiếu công nợ số 1506/ĐCCN/NLMN-TTP/2020 ngày 15/06/2020 đã ký kết.

Đồng thời, kể từ ngày 26/7/2023 cho đến đi thanh toán dứt nợ cho Công ty Cổ phần T1, Công ty TNHH MTV K còn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất chậm trả là 0.02%/ ngày (tương đương lãi suất 7.3% năm).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là Công ty TNHH MTV K có đại diện theo pháp luật là ông Trần Duy H1, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nhiều lần và trụ sở nơi làm việc đã không còn hoạt động. Cụ thể Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản sau: Thông báo thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; các Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm; Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện bị đơn tiếp tục vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T1: Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa sơ thẩm cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Ngày 12/04/2018, Công ty Cổ phần T1 đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc số: 1204/HĐMB-2018/NLMN-TTP với Công ty TNHH MTV K. Theo đó, Công ty Cổ phần T1 đã thực hiện đầy đủ các điều khoản trong Hợp đồng: theo đơn đặt hàng, đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng (thép xây dựng) đầy đủ, đúng thời hạn và không có khiếu nại về chất lượng hàng hoá, cung cấp đầy đủ chứng từ liên quan đến hàng hoá và xuất hoá đơn tài chính đầy đủ theo thoả thuận. Ngày 15/6/2020, hai Công ty đã tiến hành đối chiếu xác nhận công nợ theo biên bản số 1506/ĐCC/NLMN-TTP/2020 ngày 15/06/2020, theo đó, Công ty TNHH MTV K còn nợ Công ty Cổ phần T1 số tiền mua hàng còn thiếu là 2.195.254.400 đồng (Hai tỷ một trăm chín mươi lăm triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm đồng), là số tiền tồn đọng của các hoá đơn sau: 1 phần hóa đơn 0000501 ngày 22/05/2018 số tiền là: 362.396.120 đồng. Hoá đơn 0000873 ngày 31/08/2019 số tiền là: 1.832.858.280 đồng. Sau khi đối chiếu công nợ đến nay, Công ty TNHH MTV K không thanh toán bất kỳ khoản nợ gốc, khoản lãi nào

cho Công ty Cổ phần T1. Tính đến ngày 25/07/2023, Công ty TNHH MTV K còn nợ Công ty Cổ phần T1 tổng số tiền nợ gốc là 2.195.254.400 đồng (Hai tỷ một trăm chín mươi lăm triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm đồng chẵn). Công ty TNHH MTV K không cung cấp bất kỳ tài liệu chứng cứ nào thể hiện đã trả xong khoản nợ mua hàng còn thiếu nêu trên cho Công ty Cổ phần T1. Do đó, Công ty Cổ phần T1 khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV K có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ còn thiếu nêu trên do mua hàng chưa thanh toán là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về yêu cầu tiền lãi, mức lãi suất chậm trả: Căn cứ điểm 3.2 Điều 3 của Hợp đồng nguyên tắc số: 1204/HĐMB-2018/NLMN-TTP và lời khai của các đương sự thì Công ty TNHH MTV K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 05/7/2018 đối với Hoá đơn số 501 ngày 22/05/2018, và ngày 15/10/2018 đối với Hoá đơn số 873 ngày 31/08/2018. Theo thỏa thuận trong hợp đồng lãi suất quá hạn là 0.025%/ngày. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần T1 tự nguyện áp dụng mức lãi suất: 0.02%/ ngày (tương đương lãi suất 7.3% năm) và thời gian tính lãi suất được tính kể từ ngày 31/07/2020 (sau 45 ngày ký đối chiếu công nợ số 1506/ĐCCN/NLMN-TTP/2020 ngày 15/06/2020) đến ngày 25/07/2023, số tiền gốc tính lãi là số dư theo đối chiếu công nợ 1506/ĐCCN/NLMN-TTP/2020 ngày 15/06/2020 theo Hợp đồng số 1204/HĐMB-2018/NLMN-TTP ký ngày 12/04/2018 là 2.195.254.400 đồng, cụ thể tiền lãi là: Tiền lãi = 2.195.254.400 đồng x 1.089 ngày x 0.02% ngày = 478.126.408 đồng (Bốn trăm bảy mươi tám triệu một trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm lẻ tám đồng). Căn cứ quy định Luật thương mại và Bộ luật dân sự 2015 có cơ sở xác định, mức lãi suất nguyên đơn đưa ra là 0.02%/ngày (tương ứng 7.3%/năm) trên cơ sở tự nguyện, không vượt quá mức lãi suất trung bình của 03 ngân hàng thương mại trên địa bàn quận P tại thời điểm xét xử là có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần T1 buộc Công ty TNHH MTV K có trách nhiệm thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính từ ngày 31/7/2020 đến ngày 25/7/2023 là 478.126.408 đồng (Bốn trăm bảy mươi tám triệu một trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm lẻ tám đồng). Đồng thời, kể từ ngày 26/7/2023 cho đến đi thanh toán dứt nợ cho Công ty Cổ phần T1, Công ty TNHH MTV K còn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất chậm trả là 0.02%/ ngày (tương đương lãi suất 7.3% năm).

[4] Án phí KDTMST: Công ty TNHH MTV K phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải thi hành, cụ thể án phí phải chịu là 85.467.616 đồng (Tám mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm mười sáu đồng).

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Cổ phần T1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 147; Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 24, Điều 306, Điều 319 Luật thương mại 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01-NQ/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Công ty Cổ phần T1.

Buộc Công ty TNHH MTV K có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần T1 toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi chậm trả tạm tính từ ngày 31/07/2020 đến ngày

25/7/2023 với tổng số tiền là 2.673.380.808 đồng (Hai tỷ sáu trăm bảy mươi ba triệu ba trăm tám mươi nghìn tám trăm lẻ tám đồng chẵn) gồm nợ gốc là 2.195.254.400 đồng (Hai tỷ một trăm chín mươi lăm triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm đồng chẵn) và lãi chậm trả tính từ ngày 31/07/2020 đến ngày 25/7/2023 là 478.126.408 đồng (Bốn trăm bảy mươi tám triệu một trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm lẻ tám đồng) theo Hợp đồng nguyên tắc số 1204/HĐMB-2018/NLMN-TTP ngày 12/04/2018 và Biên bản đối chiếu công nợ số 1506/ĐCCN/NLMN-TTP/2020 ngày 15/06/2020 đã ký kết.

Đồng thời, kể từ ngày 26/7/2023 cho đến đi thanh toán dứt nợ cho Công ty Cổ phần T1, Công ty TNHH MTV K còn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất chậm trả là 0.02%/ ngày (tương đương lãi suất 7.3% năm).

2. Án phí KDTM sơ thẩm:

2.1 Công ty TNHH MTV K phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 85.467.616 đồng (tám mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn sáu trăm mười sáu đồng).

2.2. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.993.000 (Ba mươi chín triệu chín trăm chín mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0019796 ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thảo